

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 06/2020//DS-ST

Ngày: 11/3/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

2. Bà Hoàng Thị Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên toà:* ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2019/TLST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Ng – sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn 3, xã HP, thành phố B, tỉnh Đ (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Tạ Thị Nh – sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 6, xã ĐR, huyện ĐM, tỉnh ĐN (Có mặt)

Ông Hồ Văn Kh – sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 6, xã ĐR, huyện ĐM, tỉnh ĐN (Vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Nguyễn Huy H – sinh năm 1997

HKTT: Thôn 3, xã HP, thành phố B, tỉnh ĐL.

Hiện trú tại: Chung cư H1, phường 8, Quận 4, thành phố H (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Ng và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:

Vào khoảng cuối năm 2015, bà Ng cho bà Nh, ông Kh vay khoảng mấy trăm triệu, bà không nhớ rõ số tiền vay vì thời gian đã lâu. Sau khi vay bà Nh có trả được một số tiền trong nhiều lần. Đến ngày 08/01/2019 số tiền còn lại là 114.000.000đ bà Nh, ông Kh không có khả năng trả tiếp nên các bên viết giấy mượn tiền và hủy bỏ giấy vay tiền trước đây. Bà và bà Nh, ông Kh thỏa thuận thời hạn vay là 60 ngày, tức là đến ngày 08/3/2019 ông Kh, bà Nh phải trả. Các bên thỏa thuận lãi suất miệng là 2%. Khi vay không thể chấp

tài sản gì. Đến hạn thanh toán, bà nhiều lần yêu cầu ông Kh và bà Nh phải thanh toán tiền gốc và lãi nhưng ông bà cố tình dây dưa không chịu trả nợ. Do đó bà khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện ĐM để yêu cầu ông Kh, bà Nh phải thanh toán cho bà 114.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày quá hạn vay.

Theo lời trình bày của bị đơn bà Tạ Thị Nh trong quá trình giải quyết vụ án thì: bà có vay của bà Nguyễn Thị Bích Ng số tiền 400.000.000đ để trả ngân hàng và do trục trặc phía Ngân hàng nên khi Ngân hàng cho vay lại bà chỉ vay được 300.000.000đ nên bà chỉ mới thanh toán cho bà Ng được 300.000.000đ tiền gốc và 33.600.000đ tiền lãi và còn nợ lại 100.000.000đ. Vào ngày 20/12/2016 bà có đến nhà bà Ng, sau khi gọi điện thoại cho bà Ng thì bà Ng nói đưa cho con trai bà Ng nên bà đã đưa cho con trai bà Ng nhận 70.000.000đ, số tiền bà còn nợ lại là 30.000.000đ.

Theo lời trình bày của anh Hồ Văn Kh trong quá trình giải quyết vụ án thì: Cách đây khoảng hơn bốn năm, vợ chồng ông có vay của bà Ng số tiền khoảng 500-700.000.000đ với thỏa thuận lãi suất 3.500đ/1 triệu/1 ngày. Sau đó đã trả được tiền gốc và 140.000.000đ tiền lãi, số tiền còn nợ lại khoảng 24.000.000đ. Ông xác định ông cùng vợ đến nhà bà Ng để trả số tiền 70.000.000đ và giao tiền cho con trai bà Ng, có viết giấy biên nhận tiền, tuy nhiên thời gian đã lâu, ông bà đã làm thất lạc giấy tờ đó. Đối với số tiền 114.000.000đ bà Ng khởi kiện, ông không đồng ý, ông xác định vợ chồng ông chỉ còn nợ bà Ng khoảng 24.000.000đ nhưng cũng đã trả được 2 lần khoảng 3.000.000đ.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Nguyễn Huy H thì: Anh là con trai của bà Nguyễn Thị Bích Ng. Hiện sinh sống và làm việc tại thành phố H từ năm 2015 đến nay. Hàng năm, chỉ về thăm nhà vào dịp tết. Đối với việc vay mượn làm ăn của mẹ anh với mọi người và với bà Nh anh không liên quan, không tham gia, không đưa tiền và nhận tiền thay cho mẹ. Việc bà Tạ Thị Nh xác định ngày 20/12/2016 có đưa cho anh nhận thay mẹ số tiền 70.000.000đ anh xác định không có sự việc trên, nếu anh nhận tiền thay mẹ thì phải có giấy biên nhận có chữ ký của anh. Tòa án triệu tập anh tham gia phiên tòa để đối chất tuy nhiên vì công việc bận không thể tham gia được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện ĐM đã triệu tập họp lệ đối với bị đơn ông Hồ Văn Kh và bà Tạ Thị Nh để tham gia đối chất, và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt họp lệ tuy nhiên ông Kh, bà Nh vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa giữa bà Ng và bà Nh thống nhất trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 114.000.000đồng qua 04 lần chuyển khoản không nhớ rõ ngày tháng tính đến ngày 01/01/2018 bà Nh đã chuyển trả cho bà Ng được số tiền 8.000.000đồng tiền gốc.

Tại phiên tòa bà Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi và đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nh và ông Kh phải trả cho bà Ng 106.000.000đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật là 9%/năm kể từ ngày ông Kh và bà Nh vi phạm thời hạn trả nợ trên số tiền 114.000.000đồng kể từ ngày 08/3/2016 đến ngày 01/01/2018 và lãi suất theo quy định của pháp luật 9%/năm kể từ ngày 02/01/2018 đến ngày xét xử trên số tiền 106.000.000đồng.

Tại phiên tòa bà Tạ Thị Nh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng và cho rằng hiện tại bà Nh, ông Kh chỉ còn nợ của bà Ng số tiền 30.000.000đồng; tính đến ngày

01/01/2018 bà Nh đã chuyển khoản trả cho bà Ng 04 lần mỗi lần 2.000.000đồng, tổng cộng là 8.000.000đồng như vậy bà Nh chỉ còn nợ bà Ng 22.000.000đồng nhưng bà Nh không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành đầy đủ khi tham gia giải quyết vụ án cụ thể trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện ĐM đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Hồ Văn Kh và bà Tạ Thị Nh để tham gia đối chất, và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng do tòa án tổng đạt hợp lệ tuy nhiên ông Kh, bà Nh vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa TAND huyện ĐM đã tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn ông Hồ Văn Kh tuy nhiên ông Kh vẫn vắng mặt không có lý do, do đó, TAND huyện ĐM xét xử vắng mặt ông Hồ Văn Kh là đúng quy định tại Điều 227 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 4, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích Ng, buộc ông Hồ Văn Kh, bà Tạ Thị Nh phải trả cho bà Ng số tiền gốc là 106.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Hồ Văn Kh và bà Tạ Thị Nh có hộ khẩu thường trú và trú tại thôn 6, xã ĐR, huyện ĐM, tỉnh ĐN. Tòa án nhân dân huyện ĐM thụ lý là đúng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. TAND huyện ĐM đã tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn ông Hồ Văn Kh tuy nhiên ông Kh vẫn vắng mặt không có lý do, do đó, TAND huyện ĐM xét xử vắng mặt ông Hồ Văn Kh là đúng quy định tại Điều 227 BLTTDS.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện:

Ngày 08/01/2016 ông Hồ Văn Kh và bà Tạ Thị Nh có ký giấy mượn tiền với nội dung mượn của bà Nguyễn Thị Bích Ng số tiền 114.000.000đ. Trong thời hạn 60 ngày phải hoàn trả số tiền trên.

Xét nội dung và hình thức thỏa thuận nhận vay tiền của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định pháp luật.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Văn Kh và bà Tạ Thị Nh có bản tự khai thừa nhận giữa ông bà và bà Ng có quan hệ vay mượn tiền với nhau. Tuy nhiên, lời khai giữa vợ chồng ông Kh và bà Nh có sự mâu thuẫn. bà Nh xác định vay 400.000.000đ đã trả được 370.000.000đ tiền gốc và 33.600.000đ tiền lãi, còn nợ lại 30.000.000đ; ông Kh xác định vay khoảng 500.000.000đ đến 700.000.000đ, sau đó đã trả được gốc và 140.000.000đ tiền lãi, số tiền còn nợ lại khoảng 24.000.000đ. Ông Kh và bà Nh đều xác định ngày 20/12/2016 có đến nhà và đưa cho con trai bà Ng số tiền 70.000.000đ, có viết giấy biên nhận nhưng đã thất lạc. Tuy nhiên anh Trần Nguyễn Huy H – con trai bà Ng không thừa nhận việc nhận tiền như bà Nh, ông Kh trình bày. Do lời khai của các đương sự có sự mâu thuẫn, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự để đối chất, công khai chứng cứ và thông báo kết quả việc công khai chứng cứ, mặc dù đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng ông Kh, bà Nh vẫn không tham gia đối chất, không cung cấp các chứng cứ chứng minh để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ.

Điều 91 BLTTDS quy định:

...

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Như vậy, HĐXX xác định các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp pháp, có sự việc vay tiền giữa các bên và chưa thanh toán là có thật.

Việc ông Kh, bà Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Ng khi đến hạn là vi phạm cam kết và vi phạm quy định pháp luật. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, HĐXX nghĩ cần buộc ông Kh, bà Nh phải thanh toán cho bà Ng số tiền gốc còn lại là 106.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2016 là phù hợp quy định pháp luật.

[2.3] Về tiền lãi: HĐXX xét thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn, khi cho vay các bên có thỏa thuận lãi suất miệng là 2%/tháng. Bị đơn cho rằng trước đây khi vay số tiền 500-700.000.000đ có thỏa thuận lãi suất 3.500đ/1 triệu/1 ngày. Tuy nhiên, trong hợp đồng vay tiền số tiền 114.000.000đ ngày 08/01/2016 không thể hiện có thỏa thuận lãi suất, đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn không có lãi. Do đó, HĐXX xét thấy cần buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi kể từ ngày quá hạn thanh toán nợ chia làm hai giai đoạn, ngày 08/3/2016 đến ngày 01/01/2018 trên số tiền 114.000.000đồng (Bà Nh chuyển khoản cho bà Ng 04 lần được 8.000.000đồng) từ ngày 01/01/2018 đến ngày mở phiên tòa trên số tiền 106.000.000đồng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 305 BLDS 2005 là phù hợp với quy định pháp luật.

Khoản 2 Điều 305 BLDS 2005 quy định:

...

2. Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Như vậy, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi:

114.000.000đ x 9%/năm x 01 năm, 09 tháng 07 ngày = 18.152.000đồng

106.000.000đ x 9%/năm x 02 năm, 02 tháng 01 ngày = 20.962.000đồng

Tổng cộng tiền lãi là 39.114.000đồng

[2.4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Hồ Văn Kh và bà Tạ Thị Nh phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

[2.5] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐM tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 BLTTDS;

Áp dụng Điều 280, Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476 BLDS 2015, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích Ng về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Hồ Văn Kh và bà Tạ Thị Nh.

Buộc ông ông Hồ Văn Kh và bà Tạ Thị Nh phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Bích Ng số tiền 145.114.000đ (*Một trăm bốn mươi chín triệu một trăm mười bốn ngàn đồng*)

Trong đó: 106.000.000đ tiền gốc và 39.114.000đ tiền lãi.

2. Thời hạn thanh toán: Theo trình tự thủ tục thi hành án Dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn Kh và bà Tạ Thị Nh phải nộp 7.256.000đ tiền án phí DSST. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích Ng 2.850.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003562 ngày 03/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện ĐM;
- CCTHDS huyện ĐM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA